

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2024

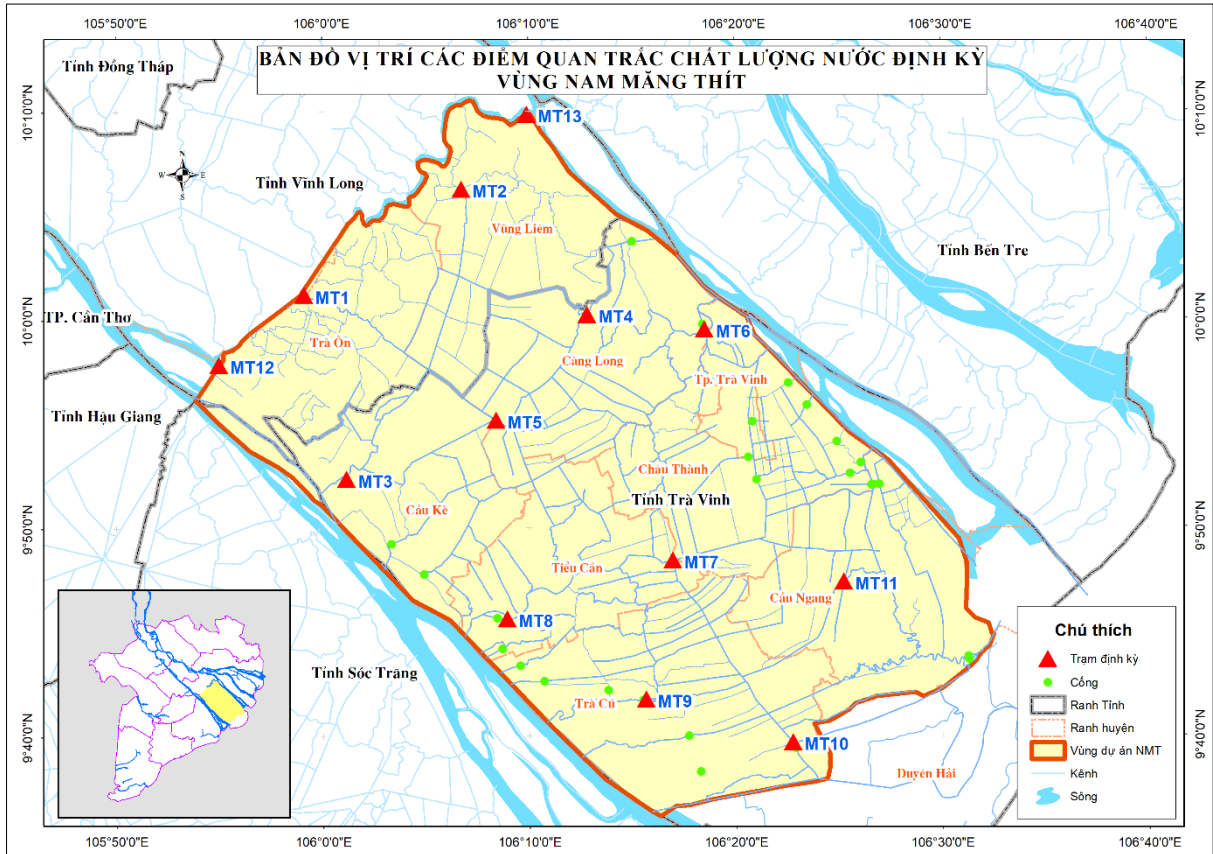
BẢN TIN TUẦN 03

Đợt đo ngày 14/02/2024, dự báo từ 23/02 đến 29/02/2024

I. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 14/02/2024

1. Vị trí lấy mẫu

Vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước được đặt ở những điểm các kênh trực quan trọng trong khu vực nội đồng, có tầm ảnh hưởng lớn đến các khu vực xung quanh. Những kênh có cống thì trạm dự báo được đặt gần cống, phía trong đồng nhằm mục đích đánh giá được chính xác và tổng quan nhất mức độ ô nhiễm của nguồn nước khi vận hành công trình. Nhiệm vụ quan trắc 13 điểm phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình sau:



Hình 1. Bản đồ vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước định kỳ

Bảng 1. Thông tin vị trí các trạm quan trắc chất lượng nước định kỳ

TT	Ký hiệu	Vị trí điểm đo	Tọa độ điểm quan trắc		Xã	Huyện	Tỉnh
			X	Y			
1	MT1	Đầu sông Trà Ngoa	607.966	1.107.801	Trà Côn	Trà Ôn	Vĩnh Long
2	MT2	Kênh Bung Trường, Cống Bàu Xếp	621.886	1.117.202	Hiếu Phụng	Vũng Liêm	Vĩnh Long
3	MT3	Đầu kênh Bông Bốt	611.764	1.091.528	An Phú Tân	Cầu Kè	Trà Vinh
4	MT4	Kênh Mây Túc – Ngã Hậu	633.059	1.106.117	Càng Long	Càng Long	Trà Vinh
5	MT5	Kênh Trà Ngoa	625.008	1.096.756	Thanh Phú	Cầu Kè	Trà Vinh
6	MT6	Cống Láng Thế	643.446	1.104.839	Đại Phước	Càng Long	Trà Vinh
7	MT7	Rạch Càn Chông	640.652	1.084.401	Ngãi Hùng	Tiểu Càn	Trà Vinh
8	MT8	Cống Càn Chông	625.998	1.079.177	Tân Hòa	Tiểu Càn	Trà Vinh
9	MT9	Cống Trà Cú	638.320	1.072.074	Trà Cú	Trà Cú	Trà Vinh
10	MT10	Cống La Bang	651.316	1.068.315	Đôn Châu	Duyên Hải	Trà Vinh
11	MT11	Kênh Ba So	655.796	1.082.521	Hiệp Hòa	Cầu Ngang	Trà Vinh
12	MT12	Sông Măng Thít	600.450	1.101.604	Trà Ôn	Trà Ôn	Vĩnh Long
13	MT13	Sông Măng Thít	627.688	1.123.852	Quới An	Vũng Liêm	Vĩnh Long

2. Kết quả tính toán chất lượng nước và khuyến cáo sử dụng nguồn nước

Bảng 2. Kết quả đo đạc chất lượng nước

TT	Ký hiệu	pH	Nhiệt độ	Độ mặn	TSS	SAR	BOD ₅	COD	DO	Tổng N (TN)	Tổng P (TP)	Tổng Coliform	WQI	Khuyến cáo
			°C	mg/L	mg/L		mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	MPN/100mL		
1	MT1	7,08	26,0	0,10	83	1,01	2,50	7,20	6,85	0,56	0,18	930	100	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.
2	MT2	7,24	26,5	0,10	13	1,29	2,72	7,53	7,20	0,54	0,08	240	100	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.

TT	Ký hiệu	pH	Nhiệt độ	Độ mặn	TSS	SAR	BOD ₅	COD	DO	Tổng N (TN)	Tổng P (TP)	Tổng Coliform	WQI	Khuyến cáo
			°C	mg/L	mg/L		mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L		
3	MT3	7,67	26,8	0,50	14	5,66	2,44	6,80	7,47	0,31	0,07	9	100	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.
4	MT4	7,15	26,3	0,10	23	1,09	2,38	7,36	7,33	0,58	0,12	930	100	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.

TT	Ký hiệu	pH	Nhiệt độ	Độ mặn	TSS	SAR	BOD ₅	COD	DO	Tổng N (TN)	Tổng P (TP)	Tổng Coliform	WQI	Khuyến cáo
			°C	mg/L	mg/L		mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L		
5	MT5	7,02	26,2	0,10	26	1,60	3,37	8,33	7,23	0,65	0,24	230	100	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.
6	MT6	7,69	25,9	0,60	9	6,72	3,12	6,80	7,51	0,39	0,09	23	100	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.

TT	Ký hiệu	pH	Nhiệt độ	Độ mặn	TSS	SAR	BOD ₅	COD	DO	Tổng N (TN)	Tổng P (TP)	Tổng Coliform	WQI	Khuyến cáo
			°C	mg/L	mg/L		mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L		
7	MT7	7,73	25,7	0,40	20	5,20	2,78	7,69	7,54	0,63	0,14	2400	100	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.
8	MT8	7,58	25,8	0,40	17	6,53	2,44	7,53	7,61	0,28	0,08	93	100	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.
9	MT9	7,10	25,7	0,90	23	12,1	2,32	8,65	5,95	1,88	0,20	9300	65	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức trung bình, có thể sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt. TN cũng cao hơn quy chuẩn nhóm B theo QCVN08:2023.

TT	Ký hiệu	pH	Nhiệt độ	Độ mặn	TSS	SAR	BOD ₅	COD	DO	Tổng N (TN)	Tổng P (TP)	Tổng Coliform	WQI	Khuyến cáo
			°C	mg/L	mg/L		mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L		
														Chỉ số SAR cũng cao hơn 9 có thể ảnh hưởng tới cây trồng và làm tăng độ chua của đất. Cần chú ý khi sử dụng nguồn nước cho mục đích sinh hoạt vì coliform cao hơn quy chuẩn nhóm B theo QCVN08:2023
10	MT10	7,36	25,7	0,50	22	9,2	3,00	8,81	6,65	1,62	0,13	430	99	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ tưới tiêu trồng trọt của người dân. Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp. Nhưng, TN cao hơn quy chuẩn nhóm B theo QCVN08:2023. Chỉ số SAR cũng cao hơn 9 có thể ảnh hưởng tới cây trồng và làm tăng độ chua của đất.
11	MT11	7,72	26,0	0,80	21	11,7	2,54	7,69	7,25	0,42	0,07	430	100	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm

TT	Ký hiệu	pH	Nhiệt độ	Độ mặn	TSS	SAR	BOD ₅	COD	DO	Tổng N (TN)	Tổng P (TP)	Tổng Coliform	WQI	Khuyến cáo
			°C	mg/L	mg/L		mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L		
														<p>bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.</p> <p>Chỉ số SAR cao hơn 9 có thể ảnh hưởng tới cây trồng và làm tăng độ chua của đất.</p>
12	MT12	7,38	25,8	0,10	32	1,06	2,14	6,88	7,37	0,53	0,10	4600	92	<p>Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.</p>

TT	Ký hiệu	pH	Nhiệt độ	Độ mặn	TSS	SAR	BOD ₅	COD	DO	Tổng N (TN)	Tổng P (TP)	Tổng Coliform	WQI	Khuyến cáo
			°C	mg/L	mg/L		mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L		
13	MT13	7,39	25,8	0,10	59	1,46	2,87	5,60	7,54	0,50	0,15	4300	94	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.
QCVN08:2023/ BTNMT (Bảng 2, mức B)		6,00 - 8,50			≤ 100		≤ 6	≤ 15	≥ 5	≤ 1,5	≤ 0,3	≤ 5000		

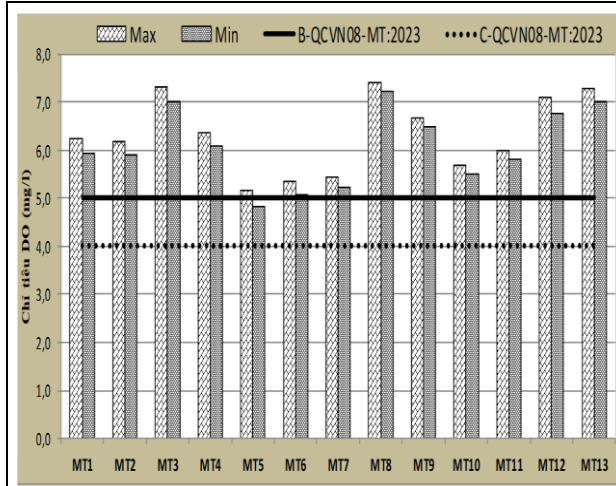
Ghi chú: Thang đo giá trị WQI và mức đánh giá chất lượng nước tương ứng

Giá trị WQI	Mức đánh giá chất lượng nước (phù hợp sử dụng)
91 - 100	Rất tốt, cấp nước cho sinh hoạt
76 - 90	Tốt, cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp
51 - 75	Trung bình, cấp tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
26 - 50	Kém, giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
10 - 25	Ô nhiễm nặng, nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai
< 10	Ô nhiễm rất nặng

II. Dự báo chất lượng nước từ ngày 23/02/2024 đến ngày 29/02/2024

Các dự báo về chất lượng nước từ ngày 23/02/2024 đến ngày 29/02/2024 được thể hiện chi tiết trong bảng sau:

1. Chỉ tiêu DO



Hình 2. Giá trị DO dự báo

Dự báo giá trị biến động của chỉ tiêu DO trong 7 ngày tiếp theo biến đổi từ 4,8 mg/l đến 7,4 mg/l.

Các vị trí ở phía đầu nguồn như MT1, MT2, MT3, MT6, MT12, MT13 gần các sông Mang Thít, sông Hậu và sông Cỏ Chiên nên giá trị DO đều cao.

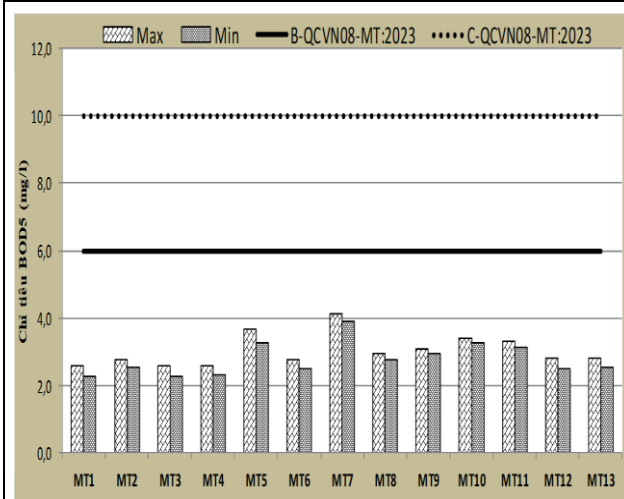
Các vị trí giáp nước, cuối nguồn và các vị trí sau công như các điểm MT4, MT5, MT7, MT8, MT9, MT10, và MT11 có giá trị DO thấp hơn do nước ít được luân chuyển.

So sánh với QCVN 08-MT:2023 – Bảng 2, các giá trị dự báo đều đạt mức B. Chỉ tiêu chất lượng nước DO đảm bảo tốt cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 3. Kết quả dự báo thông số DO các trạm từ ngày 23-29/02/2024

		Đơn vị: mg/l						
TT	Trạm	23/02	24/02	25/02	26/02	27/02	28/02	29/02
1	MT1	6,14	6,20	6,15	6,25	6,21	6,08	5,94
2	MT2	6,18	6,12	6,10	6,15	6,15	6,06	5,91
3	MT3	7,20	7,25	7,20	7,31	7,27	7,13	7,00
4	MT4	6,35	6,29	6,27	6,32	6,33	6,23	6,07
5	MT5	5,04	5,09	5,04	5,15	5,11	4,97	4,84
6	MT6	5,35	5,28	5,26	5,31	5,31	5,23	5,07
7	MT7	5,21	5,27	5,36	5,41	5,43	5,43	5,39
8	MT8	7,22	7,27	7,33	7,37	7,39	7,40	7,37
9	MT9	6,49	6,54	6,60	6,64	6,66	6,66	6,63
10	MT10	5,51	5,56	5,62	5,66	5,68	5,68	5,65
11	MT11	5,82	5,87	5,94	5,98	6,00	6,00	5,97
12	MT12	6,98	7,03	6,98	7,09	7,04	6,90	6,77
13	MT13	7,29	7,22	7,20	7,25	7,25	7,16	7,00

2. Chỉ tiêu BOD₅



Hình 3. Giá trị BOD₅ dự báo

Dự báo BOD₅ trong 7 ngày tiếp theo biến đổi từ 2,3 mg/l đến 4,1 mg/l.

Đối với các vị trí đầu nguồn như MT1, MT2, MT3, MT6, MT12, và MT13 do gần các sông lớn, không bị ứ đọng và luân chuyển dòng chảy nên giá trị BOD₅ đều thấp.

Ngược lại, với các vị trí giáp nước, nội đồng hay trong cống, nước ít được luân chuyển, các công thường đóng để ngăn mặn nên gây ứ đọng nước hay tích tụ chất thải dẫn đến cần nhiều oxy để oxy hóa các chất hữu cơ làm cho giá trị BOD₅ tăng cao.

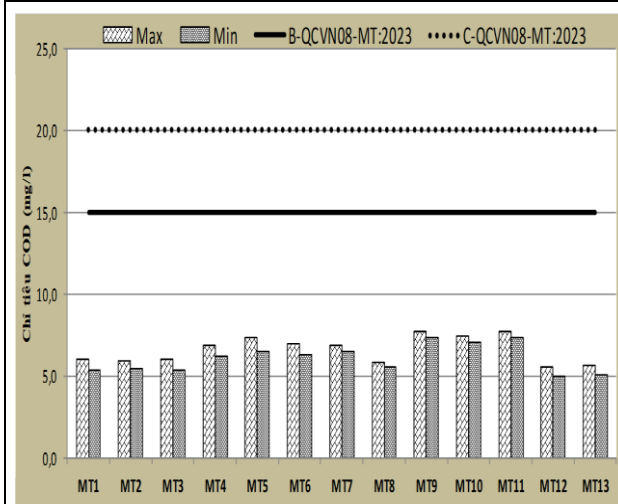
So sánh với QCVN 08-MT:2023 – Bảng 2, các giá trị BOD₅ dự báo đều thấp và dưới ngưỡng B. Nhìn chung, chỉ tiêu chất lượng nước BOD₅ đảm bảo tốt cho cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 4. Kết quả dự báo thông số BOD₅ các trạm từ ngày 23-29/02/2024

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	23/02	24/02	25/02	26/02	27/02	28/02	29/02
1	MT1	2,40	2,36	2,41	2,29	2,34	2,48	2,60
2	MT2	2,55	2,59	2,60	2,54	2,52	2,60	2,76
3	MT3	2,40	2,35	2,40	2,29	2,33	2,47	2,60
4	MT4	2,32	2,38	2,39	2,32	2,32	2,42	2,60
5	MT5	3,34	3,27	3,34	3,24	3,32	3,52	3,69
6	MT6	2,51	2,58	2,60	2,55	2,54	2,63	2,79
7	MT7	4,14	4,08	4,00	3,95	3,93	3,92	3,94
8	MT8	2,93	2,88	2,82	2,78	2,76	2,76	2,79
9	MT9	3,08	3,04	2,98	2,95	2,93	2,94	2,97
10	MT10	3,42	3,38	3,32	3,28	3,27	3,27	3,30
11	MT11	3,29	3,25	3,19	3,16	3,14	3,15	3,18
12	MT12	2,60	2,56	2,60	2,49	2,53	2,67	2,80
13	MT13	2,52	2,59	2,61	2,56	2,56	2,65	2,81

3. Chỉ tiêu COD



Hình 4. Giá trị COD dự báo

Chỉ tiêu COD có xu thế khá tương đồng với BOD₅ với các giá trị biến đổi từ 5,0 mg/l đến 7,7 mg/l.

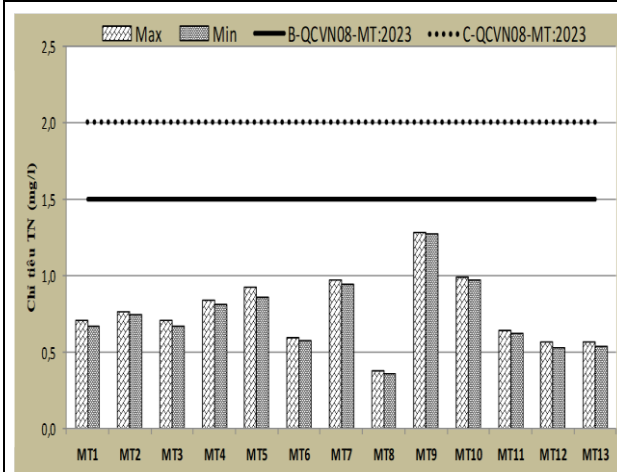
So sánh với QCVN 08-MT:2023 – Bảng 2, các giá trị đều dưới ngưỡng mức B. Chỉ tiêu chất lượng nước COD đảm bảo tốt phục vụ cấp nước cho sản xuất nông nghiệp.

Bảng 5. Kết quả dự báo thông số COD các trạm từ ngày 23-29/02/2024

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	23/02	24/02	25/02	26/02	27/02	28/02	29/02
1	MT1	5,60	5,50	5,62	5,35	5,45	5,78	6,08
2	MT2	5,53	5,61	5,63	5,50	5,47	5,64	5,98
3	MT3	5,60	5,49	5,60	5,35	5,44	5,77	6,07
4	MT4	6,19	6,35	6,37	6,20	6,19	6,45	6,92
5	MT5	6,67	6,54	6,68	6,49	6,64	7,04	7,39
6	MT6	6,28	6,46	6,50	6,37	6,36	6,58	6,97
7	MT7	6,90	6,80	6,66	6,58	6,55	6,53	6,57
8	MT8	5,86	5,76	5,64	5,56	5,52	5,52	5,58
9	MT9	7,71	7,60	7,46	7,37	7,33	7,34	7,42
10	MT10	7,41	7,32	7,19	7,12	7,08	7,09	7,15
11	MT11	7,68	7,58	7,45	7,37	7,33	7,34	7,42
12	MT12	5,20	5,11	5,21	4,99	5,06	5,34	5,60
13	MT13	5,05	5,19	5,23	5,12	5,12	5,30	5,62

4. Chỉ tiêu tổng Nito - TN



Hình 5. Giá trị TN dự báo

Giá trị TN dự báo biến đổi từ 0,36 mg/l đến 1,29 mg/l.

Đối với các vị trí đầu nguồn, gần sông lớn như MT1, MT2, MT3, MT6, MT12, và MT13, giá trị TN thường thấp do nước luôn được luân chuyển.

Với các vị trí giáp nước, nội đồng và trong cống như MT4, MT5, MT7, MT8, MT9, MT10, và MT11, giá trị TN thường cao do nước ít được luân chuyển, cống thường đóng ngăn mặn gây ứ đọng, tích tụ chất thải.

So sánh với QCVN 08-MT:2023 – Bảng 2, các giá trị tại vị trí nguồn cấp đều thấp dưới ngưỡng B, phần lớn các vị trí nội đồng và trong cống cao hơn và dưới ngưỡng B.

Chỉ tiêu chất lượng nước TN cơ bản đảm bảo tốt cho cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, tuy nhiên cần phải áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp trước khi sử dụng, đặc biệt tại các vị trí dự báo TN cao như MT7, MT9, MT10, và MT11.

Bảng 6. Kết quả dự báo thông số TN các trạm từ ngày 23-29/02/2024

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	23/02	24/02	25/02	26/02	27/02	28/02	29/02
1	MT1	0,69	0,68	0,69	0,67	0,68	0,69	0,71
2	MT2	0,77	0,76	0,76	0,75	0,75	0,76	0,77
3	MT3	0,69	0,68	0,69	0,67	0,68	0,69	0,71
4	MT4	0,83	0,83	0,82	0,82	0,81	0,82	0,84
5	MT5	0,87	0,86	0,87	0,86	0,87	0,90	0,92
6	MT6	0,58	0,58	0,58	0,58	0,58	0,58	0,60
7	MT7	0,97	0,96	0,95	0,95	0,95	0,94	0,95
8	MT8	0,38	0,37	0,36	0,36	0,36	0,36	0,36
9	MT9	1,29	1,28	1,28	1,28	1,27	1,28	1,28
10	MT10	0,99	0,98	0,98	0,98	0,97	0,97	0,98
11	MT11	0,64	0,64	0,63	0,63	0,63	0,63	0,63
12	MT12	0,54	0,54	0,55	0,53	0,54	0,55	0,56
13	MT13	0,54	0,55	0,55	0,54	0,54	0,55	0,57

III. Kết luận, kiến nghị

Theo kết quả dự báo các chỉ số chất lượng nước từ 23/02 đến 29/02/2024 (so sánh với QCVN08:2023), nguồn nước đáp ứng yêu cầu cho sản xuất nông nghiệp.

Theo dự báo nguồn nước của Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, xâm nhập mặn vùng cửa sông dự báo sẽ tăng dần từ 23/02 đến 29/02/2024 và đạt đỉnh ngày 26/2/2024, ranh mặn 4 g/l vào sâu 45 – 60 km, kiến nghị các địa phương cần chủ động giám sát mặn chặt chẽ nhằm vận hành công tranh thủ lấy nước ngọt khi độ mặn nhỏ hơn 1 g/l, đồng thời pha loãng đảm bảo chất lượng nước cho sản xuất.

Khuyến cáo địa phương cần thường xuyên theo dõi các thông tin dự báo về nguồn nước, xâm nhập mặn, chất lượng nước liên quan đến HTTL Nam Măng Thít để có các biện pháp ứng phó kịp thời.

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT (để b/c);
- Cục Thủy lợi (để b/c);
- Sở NN&PTNT, Sở TN&MT, Chi cục Thủy lợi, Phòng Nông nghiệp/Kinh tế các huyện/TP tỉnh Trà Vinh và Vĩnh Long;
- Lưu: P.KHCN&HTQT.

KT.VIỆN TRƯỞNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Phạm Văn Mạnh